

Bản án số: 24/2021/HS-ST  
Ngày 17-12-2021

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN UYÊN TỈNH LAI CHÂU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Oanh;

*Các hội thẩm Nhân dân:* 1. Ông Lê Sĩ Chiến.

2. Ông Vương Huy Vượng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thúy Phượng - Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Kiên Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2021/TLST-HS ngày 12 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 10 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lường Văn Ch**; tên gọi khác: Lường Văn P; giới tính: Nam; sinh năm 1989 tại huyện T, tỉnh Lai Châu. Nơi cư trú: Bản U, xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lường Văn A - sinh năm 1962 và con bà: Lường Thị P - sinh năm 1959; vợ: Lù Thị K - sinh năm 1997; bị cáo có 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 24-QĐ/UBKTHU ngày 22/4/2021 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Tân Uyên.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/9/2020 tại xã N, huyện Tỉnh Lai Châu đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Lò Văn D**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1994 tại huyện T, tỉnh Lai Châu; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản N, xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu; Nơi tạm trú: Bản N, thị trấn N, huyện N, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Viên chức; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lò Văn G (*đã chết*) và bà: Lò Thị Đ - sinh năm: 1962; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày

13/6/2021 tại xã N, huyện N, tỉnh Lai Châu đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Lò Văn M**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1990 tại huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu; Nơi tạm trú: Khu 2, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Công chức; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Khơ Mú; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lò Văn Ch - sinh năm 1949 và bà: Lò Thị S - sinh năm: 1950; vợ: Hoàng Thị Nh - sinh năm 1995; con: Có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/8/2021 tại thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 32-QĐ/UBKTHU ngày 13/10/2021 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Sìn Hồ.

*- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Duy Thanh T, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 109, đường P, phường X, quận N, thành phố Hà Nội.

2. Anh Lò Văn X, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: Bản M, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu.

3. Anh Giàng A T1, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Bản T, xã L, huyện S, tỉnh Lai Châu.

4. Anh Lò Văn V, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện T, tỉnh Điện B

5. Anh Giàng A V1, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: Bản T, xã H, huyện M, Điện Biên.

6. Chị Lò Thị N, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: Bản L, xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu.

7. Anh Phàn Trường Nh, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Bản M, xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu.

8. Anh Phàng A S, sinh năm 1994 (vắng mặt).

9. Chị Lường Thị Đ, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Đều có địa chỉ: Bản D B, xã D, huyện P, Lai Châu

10. Anh Lò Văn Th, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

11. Chị Lò Thị Ng, sinh năm 1994 (có mặt).

Địa chỉ: Bản P, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu

12. Chị Lò Thị Tom, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: Bản T, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu.

13. Anh Trương Tân Th, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 15, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu.

14. Anh Giàng A S, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ: Bản M, xã S, huyện S, tỉnh Lai Châu.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 8/2018, Lường Văn Ch làm thủ tục đăng ký dự tuyển công chức ngành giáo dục tại Sở Nội vụ tỉnh Lai Châu nhưng chưa đủ chứng chỉ tiếng Anh, chứng chỉ tin học để nộp hồ sơ. Sau đó, qua 01 người phụ nữ cùng làm thủ tục dự tuyển, Ch xin được số điện thoại di động của Nguyễn Duy Thanh T và gọi nhờ T làm chứng chỉ tiếng Anh, tin học cho Ch. Qua trao đổi, T nói với Ch là chỉ cần chụp ảnh 02 mặt của chứng minh thư Nh dân gửi vào số tài khoản Zalo cho T thì T sẽ làm chứng chỉ cho và thỏa thuận giá của chứng chỉ tiếng Anh là 1.500.000 đồng/01 chứng chỉ, chứng chỉ tin học là 600.000 đồng/01 chứng chỉ, Ch nhất trí. Sau đó, Ch và T lưu số điện thoại và kết bạn với nhau để liên hệ với nhau và Ch gửi ảnh 02 mặt chứng minh thư của Ch để T làm chứng chỉ tin học, tiếng Anh, còn T khi được thông tin do Ch gửi, T nhập thông tin vào máy tính thông qua một file Word (*Maket*) có sẵn rồi dùng máy in màu, in ra thông qua các phôi mẫu T đã mua từ trước. Sau khi in xong, T đóng dấu chữ ký, dấu tên, hình dấu tròn của các trường theo từng loại chứng chỉ rồi gửi cho Ch. Khoảng 05 ngày sau, Ch nhận được 01 chứng chỉ tin học, 01 chứng chỉ năng lực tiếng Anh và 01 bảng điểm kéo theo chứng chỉ năng lực tiếng Anh mang tên Lường Văn Ch do T chuyển đến qua dịch vụ bưu điện, Ch kiểm tra giống với các chứng chỉ do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành nên Ch thanh toán tiền qua dịch vụ “Cod” cho Nh viên bưu điện số tiền 2.100.000 đồng. Do nhận chứng chỉ mà T gửi cho Ch muộn nên Ch không sử dụng để nộp hồ sơ thi tuyển công chức.

Khi quen biết với T qua mạng xã hội, T nói cho Ch biết là chứng chỉ do T làm là chứng chỉ giả. Bản thân Ch nhận thấy có nhiều người có nhu cầu làm chứng chỉ tin học, tiếng Anh để làm hồ sơ xin việc nên Ch đã thỏa thuận với T là Ch sẽ nhận thông tin của những người có nhu cầu làm chứng chỉ chuyển lại cho T để T làm chứng chỉ tin học và tiếng Anh giả với giá khoảng 1.200.000 đồng đến 1.500.000 đồng/01 chứng chỉ tiếng Anh, từ 500.000 đồng đến 600.000 đồng/01 chứng chỉ tin học. Sau đó, Ch đăng thông tin trên Facebook cá Nh mang tên “Lường Ch” để nhận làm chứng chỉ tin học, tiếng Anh. Ai có nhu cầu làm chứng chỉ Ch sẽ bán chứng chỉ tiếng Anh là 3.000.000 đồng/01 chứng chỉ, chứng chỉ tin học 1.000.000 đồng/01 chứng chỉ.

Khoảng tháng 12/2019, Lường Văn Ch nhận rồi chuyển cho T làm 01 chứng chỉ Ứng dụng nghệ thuật thông tin cơ bản; 01 chứng chỉ Ngoại ngữ với tổng số

tiền 3.500.000 đồng cho Lò Văn M - sinh năm 1990, hộ khẩu thường trú tại bản H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Số tiền này Ch chuyển cho T là 2.100.000 đồng, số tiền còn lại Ch tiêu xài cá Nh hết.

Khoảng tháng 3/2020, Lường Thị Đ - sinh năm 1997, trú tại bản D, xã D, huyện P, tỉnh Lai Châu; Giàng A S sinh 1996, trú tại bản M, xã S, huyện S, tỉnh Lai Châu; Nông Văn B sinh năm 1997, trú tại bản H, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu đã gọi điện thoại cho Lò Văn M để hỏi làm chứng chỉ tiếng Anh nên M đã gọi điện thoại trao đổi với Lường Văn Ch về việc nhận làm chứng chỉ. M và Ch thống nhất M nhận thông tin và thu của những người mua số tiền 3.000.000 đồng/01 chứng chỉ sau đó chuyển lại thông tin và tiền cho Ch 2.800.000 đồng/01 chứng chỉ để Ch làm chứng chỉ, còn số tiền 200.000 đồng/01 chứng chỉ Ch trích lại cho M. Sau đó, M đã hướng dẫn 03 người này chụp ảnh chứng minh thư Nh dân hai mặt chuyển qua Zalo cho M và M chuyển 01 lần ảnh chứng minh thư 02 mặt của S, Đ, B cho Ch. Nhận được các thông tin của M chuyển đến, Ch đã chuyển cho T làm cho S, Đ, B mỗi người 01 chứng chỉ tiếng Anh. M nhận của Sinh, Đ, B tổng số tiền 9.000.000 đồng và đã chuyển 8.400.000 đồng cho Ch, M được hưởng lợi 600.000 đồng. Sau khi nhận tiền, Ch chuyển cho T 4.500.000 đồng, số tiền còn lại Ch đã tiêu xài cá Nh hết. Quá trình điều tra xác minh Nông Văn B không có mặt tại địa phương, không ai biết B đang ở đâu, làm gì nên Cơ quan điều tra không tiến hành thu giữ được chứng chỉ tiếng Anh của Nông Văn B.

Khoảng tháng 12/2019, Lò Văn D chuẩn bị thi công chức tại tỉnh Lai Châu, do D chưa có chứng chỉ tin học và tiếng Anh nên D đã liên lạc để nhờ Ch làm hộ chứng chỉ. Qua trao đổi, Ch nói giá của chứng chỉ tiếng Anh là 3.000.000 đồng/chứng chỉ, chứng chỉ tin học là 1.000.000 đồng/chứng chỉ và thống nhất với D sẽ cho D 50.000 đồng/chứng chỉ nếu D giới thiệu được người làm. Sau đó D đã đăng lên Face book cá Nh của D tên là “D Lò” với nội dung “Ai có nhu cầu chứng chỉ tin học, tiếng Anh thì liên hệ với mình cùng làm”. Vào khoảng tháng 01/2020 có Phàng A S, sinh năm 1994, trú tại bản D, xã D, huyện P, tỉnh Lai Châu gửi ảnh chụp chứng minh thư nhân dân và số tiền 3.000.000 đồng cho D để nhờ D làm giúp chứng chỉ tiếng Anh, D gọi điện thoại cho Ch thì Ch nói phải nhiều người thì Ch mới nhận làm nên D chưa gửi thông tin và tiền cho Ch để làm chứng chỉ. Đến khoảng cuối tháng 03 đầu tháng 4/2020 có 07 người gồm: Lò Văn X, sinh năm 1994, trú tại bản M, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu; Giàng A T1, sinh năm 1993, trú tại bản C, xã L, huyện P, tỉnh Lai Châu; Lò Văn V, sinh năm 1994, trú tại bản N, xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên; Giàng A V1, sinh năm 1994, trú tại bản T, xã H, huyện M, tỉnh Điện Biên; Lò Thị N, sinh năm 1997, trú tại bản L, xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu; Phàn Trường Nh, sinh năm 1993, trú tại bản M, xã bản L, huyện P, tỉnh Lai Châu; Lò Văn Th, sinh năm 1994, trú tại B, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên là những người bạn cùng học với D tại trường Đại học nhấn tin, gọi điện thoại cho D nhờ làm hộ chứng chỉ tiếng Anh, D nhất trí và bảo

những người này gửi ảnh chứng minh thư nhân dân 02 mặt qua Zalo của D, sau đó D đã liên hệ lại với Ch và chuyển thông tin của D, của S và 07 người bạn của D qua zalo cá Nh của Ch để Ch làm chứng chỉ (*D chuyển ảnh chứng minh thư Nh dân 02 mặt của D, S, X, T1, Th, Nh, N, V1, V chuyển cho Ch 01 lần*). Ch chuyển toàn bộ thông tin của D và 08 người D giới thiệu cho T, T đã làm giả 10 chứng chỉ (*09 chứng chỉ tiếng Anh, 01 chứng chỉ tin học*) rồi chuyển lại cho Ch. Sau khi nhờ D làm chứng chỉ thì 07 người bạn của D mỗi người chuyển cho D 3.000.000 đồng. D đã trả cho Ch tổng số tiền 25.000.000 đồng (*bao gồm 24.000.000 đồng của 08 người nhờ D làm chứng chỉ và 1.000.000 đồng tiền làm chứng chỉ của cá Nh D*), sau khi trừ số tiền 500.000 đồng tiền hoa hồng, D còn nợ lại Ch 2.500.000 đồng. Nhận được tiền của D, Ch chuyển cho T 14.100.000 đồng, số tiền còn lại Ch tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 25/3/2020, Lường Văn Ch đã nhận thông tin và chuyển cho T làm giả 01 chứng chỉ tin học và 01 chứng chỉ tiếng Anh cho Trương Tấn Th, sinh năm 1994, trú tại tổ 15, thị trấn T, huyện Tân Uyên. Th chuyển trả cho Ch số tiền 4.000.000 đồng. Ch chuyển cho T số tiền 1.700.000 đồng, số tiền còn lại Ch tiêu xài cá nhân hết.

Cũng trong tháng 3/2020, Lường Văn Ch làm 01 chứng chỉ tiếng Anh cho Lò Thị Ng, sinh năm 1994, trú tại bản P, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu và 01 chứng chỉ tiếng Anh cho Lò Thị T, sinh năm 1993, trú tại bản T, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu với tổng số tiền là 6.000.000 đồng, Ch chuyển cho T 3.000.000 đồng, số tiền còn lại Ch tiêu xài cá nhân hết.

Đối với Nguyễn Duy Thanh T, Quá trình điều tra xác định hành vi phạm tội của Nguyễn Duy Thanh T thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan An ninh điều tra Công an thành phố Hà Nội nên đã tách vụ án, chuyển vụ án, bị can Nguyễn Duy Thanh T về Cơ quan An ninh điều tra Công an thành phố Hà Nội để điều tra theo thẩm quyền.

Đối với Lò Văn M, Lò Văn D, Phòng A S, Lò Văn X, Giàng A T1, Lò Văn V, Giàng A V1, Lò Văn Th, Lò Thị N, Phan Trường Nh, Lò Thị Ng, Lò Thị T, Trương Tấn Th là người đã mua hoặc nhờ mua hộ chứng chỉ tin học, tiếng Anh từ Lường Văn Ch. Quá trình điều tra xác định M, D, S, X, T1, V, V1, Th, N, Nh, Ng, T, Th chưa sử dụng chứng chỉ vào mục đích gì. Sau khi Cơ quan điều tra triệu tập đã giao nộp lại các chứng chỉ giả đã mua để phục vụ quá trình điều tra.

#### *Vật chứng của vụ án:*

- Vật chứng thu giữ của Lường Văn Ch: 01 điện thoại di động nhãn hiệu oppo F5 màu V1 nhạt có gắn 01 sim của nhà mạng Viettel số thuê bao 0344.278.598; 03 trang tài liệu thể hiện nội dung sao kê tài khoản 029661300001 có chữ ký của Lường Văn Ch ở cuối mỗi trang tài liệu; 01 chứng chỉ tin học số hiệu 0003416, 01 chứng chỉ năng lực tiếng Anh Level 1\* số seri 18.32867 và 01 bảng điểm kéo theo chứng chỉ năng lực tiếng Anh đều mang tên Lường Văn Ch.

- Vật chứng thu giữ của Trương Tấn Th: 01 phong bì thư của dịch vụ chuyển phát nhanh (EMS) Bưu điện Việt Nam bằng giấy màu trắng, viền màu cam có kích thước 39cm x 17,5cm. Bên trên mặt phong bì có thể hiện nội dung người nhận Lương Văn Ch - Bưu điện huyện Tân Uyên, Lai Châu 0344.278.598, phong bì thư rỗng, đã qua sử dụng; 02 chứng chỉ (*chứng chỉ tin học số hiệu 2283988, chứng chỉ tiếng Anh số hiệu BN 00004138*).

- Vật chứng thu giữ của Lò Văn M: 01 chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản số hiệu 005628, 01 chứng chỉ Ngoại ngữ LEVEL2\* (A2) có Tiêu đề “Certificate of English Language Proficiency” và một tiêu đề “HNUE PROFICIENCY TEST REPORT” số seri 235/QĐ3777-18HG.

- Vật chứng thu giữ của Lò Văn D: 01 chứng chỉ tiếng Anh số hiệu BN 00005552; 01 chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản số hiệu 2354066 đều mang tên Lò Văn D.

- Vật chứng thu giữ của Lò Thị Ng: 01 chứng chỉ tiếng Anh số hiệu BN 00004330. Lò Thị T: 01 chứng chỉ tiếng Anh số hiệu BN 00004327. Giàng A T1: 01 chứng chỉ tiếng Anh có số hiệu BN 00005547. Giàng A V1: 01 chứng chỉ tiếng Anh có số hiệu BN 00005538. Lò Văn Th: 01 chứng chỉ tiếng Anh có số hiệu BN 00005537. Phàng A S: 01 chứng chỉ tiếng Anh có số hiệu BN 00004248. Phàn Trường Nh: 01 chứng chỉ tiếng Anh có số hiệu BN 00003652. Lò Văn V: 01 chứng chỉ tiếng Anh có số hiệu BN 00005545. Lò Văn X: 01 chứng chỉ tiếng Anh có số hiệu BN 00005540. Lò Thị N: 01 chứng chỉ tiếng Anh có số hiệu BN 00005591. Lương Thị Đ: 01 chứng chỉ tiếng Anh có số hiệu BN 00004592. Giàng A Sinh: 01 chứng chỉ tiếng Anh có số hiệu BN 00004051.

*\* Kết luận giám định*

Ngày 13/8/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện Tân Uyên ra Quyết định trưng cầu giám định số: 103/QĐ-TCGD yêu cầu Viện Khoa học hình sự Bộ Công an giám định tài liệu gồm 12 chứng chỉ Ngoại ngữ - Tiếng Anh của: Trương Tấn Th; Lò Thị Ng; Lò Thị Tom; Phàng A S; Lò Văn D; Lò Văn X; Giàng A T1; Lò Văn V; Giàng A V1; Lò Văn Th; Lò Thị N; Phàn Trường Nh có phải chứng chỉ Ngoại ngữ do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học quốc gia Hà Nội cấp đúng quy định hay không?

Tại bản kết luận giám định số 5509/C09-P5 ngày 21/8/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Chữ ký đứng tên Đỗ Tuấn Minh trên các mẫu cần giám định (Chứng chỉ ngoại ngữ) không phải là chữ ký trực tiếp, là hình dấu chữ ký. Hình tròn có nội dung “TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ” trên các mẫu giám định (Chứng chỉ ngoại ngữ) không phải do cùng một con dấu của Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội đóng ra.

Ngày 13/8/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện Tân Uyên ra Quyết định trưng cầu giám định số: 113/QĐ-TCGD yêu cầu Viện Khoa học hình sự Bộ Công an giám định tài liệu gồm 04 chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản của Trương Tấn Th; Lò Văn D; Lò Văn M; Lương Văn Ch và 02 tiêu đề “Certificate

of English Language Proficiency”, 02 tiêu đề “HNUE PROFICIENCY TEST REPORT” của Lương Văn Ch, Lò Văn M (*Có bảng kê kèm theo số hiệu*) có phải chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản và các tiêu đề do trường Đại học sư phạm Hà Nội cấp theo quy định không?

Tại bản kết luận giám định số 5510/C09-P5 ngày 21/8/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Chữ ký đứng tên trên các mẫu giám định (*Chúng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản và các tiêu đề*) không phải là chữ ký trực tiếp, là hình dấu chữ ký, là chữ ký giả bằng phương pháp in laser màu; Hình dấu tròn có nội dung “TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI” là hình dấu được đóng trực tiếp nhưng không phải do con dấu của trường Đại học sư phạm Hà Nội đóng ra.

Ngày 16/6/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Tân Uyên ra Quyết định trưng cầu giám định số: 158/QĐ-TCGD yêu cầu Viện Khoa học hình sự Bộ Công an giám định tài liệu gồm 02 chứng chỉ ngoại ngữ (Tiếng Anh) của Lương Thị Đ, sinh năm 1997, trú tại bản C, xã C, huyện S, tỉnh Lai Châu và Giàng A S, sinh năm 1996, trú tại bản M, xã S, huyện S, tỉnh Lai Châu có phải chứng chỉ Ngoại ngữ do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học quốc gia Hà Nội cấp theo quy định không?

Tại bản kết luận giám định số 5168/C09-P5 ngày 06/7/2021 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Chữ ký đứng tên Đỗ Minh Tuấn dưới mục “HIỆU TRƯỞNG” trên hai chứng chỉ của Lương Thị Đ và Giàng A S không phải là chữ ký trực tiếp, là hình dấu chữ ký. Hình dấu tròn có nội dung “TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ” đóng trên chứng chỉ Tiếng Anh của Lương Thị Đ, Giàng A Sinh là hình dấu đóng trực tiếp, không phải là hình dấu của trường Đại học ngoại ngữ - Đại học quốc gia Hà Nội.

Bản Cáo trạng số 80/CT -VKS - TU, ngày 05/10/2021 của Viện kiểm sát Nh dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu truy tố ra trước Tòa án Nh dân huyện Tân Uyên để xét xử Lương Văn Ch, Lò Văn D về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự, Lò Văn M về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lương Văn Ch, Lò Văn D, Lò Văn M phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

*\* Về hình phạt chính:*

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s, t, r khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt Lương Văn Ch mức án tù 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt Lò Văn D mức

án 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm. Giao Ủy ban nhân dân thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt Lò Văn M mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm. Giao Ủy ban nhân dân thị trấn Sìn Hồ, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

\* *Về hình phạt bổ sung*: Áp dụng khoản 4 Điều 341 Bộ luật Hình sự, đề nghị miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

\* *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ Luật Tố tụng Hình sự, đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động Lường Văn Ch. Truy thu số tiền thu lợi bất chính của các bị cáo, cụ thể: Bị cáo Lường Văn Ch 18.700.000 đồng; bị cáo Lò Văn D 500.000 đồng; bị cáo Lò Văn M 400.000 đồng.

\* *Về án phí*: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các bị cáo đều đồng ý với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không có tranh luận gì.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng:

Bị cáo Ch: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt vì bị cáo là lao động chính trong gia đình phải nuôi bố mẹ già và con còn nhỏ.

Bị cáo D, M: Xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát Nh dân huyện Tân Uyên tỉnh Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo Lường Văn Ch, Lò Văn M, Lò Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của



các bị cáo phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở để kết luận:

Vì mục đích tư lợi, Lường Văn Ch đã bàn bạc với Nguyễn Duy Thanh T để nhận thông tin cung cấp cho T làm giả chứng chỉ cho những người có nhu cầu, ngoài ra Ch còn bàn bạc với Lò Văn D, Lò Văn M giới thiệu người mua chứng chỉ cho Ch để được Ch trích tiền chênh lệch, sau đó Ch chuyển lại thông tin của những người đó cho T để T làm chứng chỉ giả. Cụ thể:

- Khoảng tháng 12/2019, Ch đã nhận thông tin rồi chuyển lại cho T để T làm 01 chứng chỉ Ứng dụng nghệ thông tin cơ bản; 01 chứng chỉ Ngoại ngữ giả cho Lò Văn M với tổng số tiền 3.500.000 đồng. Số tiền này Ch đã chuyển cho T 2.100.000 đồng, Ch thu lợi bất chính 1.400.000 đồng.

- Khoảng đầu năm 2020, Lò Văn D đã liên hệ với Ch để làm chứng chỉ tiếng anh, tin học cho D, qua trao đổi D và Ch thoả thuận D sẽ tìm thêm người làm chứng chỉ và nhận thông tin của họ rồi chuyển lại cho Ch, đối với mỗi chứng chỉ Ch sẽ trích lại cho D 50.000 đồng. Khoảng tháng 03/2020, sau khi nhận thông tin của 08 người bạn là Phàng A S, Lò Văn X, Giàng A T1, Lò Văn V, Giàng A V1, Lò Văn Th, Lò Thị N, Phàn Trường Nh, D đã liên hệ và chuyển thông tin của D cùng 08 người này cho Lường Văn Ch qua tin nhắn Zalo để nhờ Ch làm giả 09 chứng chỉ tiếng Anh, 01 chứng chỉ tin học. Sau đó D đã trả cho Ch tổng số tiền 25.000.000 đồng, D được trích tiền chênh lệch 500.000 đồng và còn nợ lại Ch 2.500.000 đồng. Nhận được tiền của D, Ch chuyển cho T 14.100.000 đồng, Ch thu lợi bất chính 10.900.000 đồng.

- Khoảng tháng 03/2020, do có nhiều người liên hệ hỏi việc làm chứng chỉ nên Lò Văn M đã thống nhất với Lường Văn Ch việc M nhận thông tin, nhận tiền của những người có nhu cầu làm chứng chỉ sau đó chuyển lại cho Ch để được hưởng chênh lệch 200.000 đồng/01 chứng chỉ. Lò Văn M đã nhận làm 02 chứng chỉ tiếng Anh cho Lường Thị Đ, Giàng A S với giá 3.000.000 đồng/01 chứng chỉ, sau khi nhận được thông tin của M chuyển đến, Ch đã chuyển thông tin cho T để T làm giả 02 chứng chỉ tiếng anh cho Đ và S. M đã trả cho Ch số tiền 5.600.000 đồng, M thu lợi bất chính 400.000 đồng, Ch chuyển cho T 4.500.000 đồng, Ch thu lợi bất chính 1.100.000 đồng.

- Ngày 25/3/2020, Lường Văn Ch nhận làm 01 chứng chỉ tin học, 01 chứng chỉ tiếng Anh cho Trương Tấn Th, sau khi nhận thông tin của Th, Ch đã chuyển lại cho T để T làm giả cho Th 01 chứng chỉ tin học, 01 chứng chỉ tiếng Anh. Th đã trả cho Ch số tiền 4.000.000 đồng. Ch đã chuyển cho T 1.700.000 đồng, Ch thu lợi bất chính 2.300.000 đồng.

- Cũng trong tháng 3/2020, Lường Văn Ch đã nhận thông tin và chuyển cho T làm giả 01 chứng chỉ tiếng Anh cho Lò Thị Ng và 01 chứng chỉ tiếng Anh cho Lò Thị T với tổng số tiền là 6.000.000 đồng. Ch chuyển cho T 3.000.000 đồng, Ch thu lợi bất chính 3.000.000 đồng.

Các bị cáo đều là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm nghiêm trọng đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước, tuy nhiên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo Lương Văn Ch, Lò Văn D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo Lò Văn M đã đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Vụ án thuộc trường hợp nghiêm trọng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm nghiêm trọng đến trật tự quản lý hành chính; ảnh hưởng uy tín, lợi ích của cơ quan Nhà nước, của tổ chức; gây mất trật tự xã hội, do vậy cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Lương Văn Ch phạm tội 02 lần trở lên nên phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Lò Văn D, Lò Văn M đều không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo đã tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra khám phá một số vụ án ma túy trên địa bàn được cơ quan điều tra ghi nhận bằng công văn số 290, 291, 292 cùng ngày 15/10/2021 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Tân Uyên. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Lò Văn D, Lò Văn M trong quá trình chuẩn bị xét xử đã tự giác nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Lương Văn Ch quá trình điều tra đã tự thú về các hành vi phạm tội trước đó nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Trong vụ án này bị cáo Lương Văn Ch là người nhận thông tin, nhận tiền của các bị cáo D, M và những người khác gửi đến để chuyển cho T làm chứng chỉ giả, do đó Lương Văn Ch phải chịu trách nhiệm với vai trò chính trong vụ án. Bị cáo Lò Văn D, Lò Văn M là đồng phạm giúp sức trong việc tiếp nhận thông tin, nhận tiền của những người có nhu cầu làm chứng chỉ rồi chuyển lại cho Ch. Các bị cáo phải chịu trách nhiệm tương xứng với hành vi phạm tội của mình theo quy định tại Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo Lương Văn Ch mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù. Xét thấy bị cáo Lương Văn Ch tuy có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhưng bị cáo có tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần, bị cáo làm giả số lượng chứng chỉ nhiều và thu lợi bất chính số tiền lớn. Do đó cần

chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục riêng bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lò Văn D 03 năm tù, xử phạt bị cáo Lò Văn M từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù và cho các bị cáo được hưởng án treo. Căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội, Nh thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Căn cứ Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC về hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo, xét thấy các bị cáo D, M phạm tội lần đầu, đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có Nh thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt tù nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ điều kiện cải tạo các bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy hoàn cảnh kinh tế gia đình các bị cáo khó khăn, bị cáo Ch không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, bị cáo D và bị cáo M đều đã khắc phục hậu quả nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu oppo F5 màu V1 nhạt, số Imei1: 867458037851310; số Imei2: 867458037851302, điện thoại đã qua sử dụng. Trên điện thoại có gắn 01 sim của nhà mạng Viettel số thuê bao 0344.278.598 là công cụ bị cáo Ch sử dụng để liên hệ làm giấy tờ giả nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với số vật chứng là 20 chứng chỉ tiếng Anh, tin học và 02 bảng điểm mà Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Uyên thu giữ là tài liệu, chứng cứ kèm theo hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền thu lợi bất chính của bị cáo Lường Văn Ch 18.700.000 đồng; bị cáo Lò Văn M 400.000 đồng; bị cáo Lò Văn D 500.000 đồng. Xác nhận bị cáo D đã thực hiện xong khoản tiền truy thu, bị cáo M đã tự nguyện nộp số tiền 600.000 đồng theo B lai thu tiền số AA/2021/0000487, cần xem xét trả lại cho bị cáo M 200.000 đồng.

[7] Về án phí: Các bị cáo đều bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9] Các đối tượng hành vi liên quan đến vụ án:

- Trong vụ án này, đối với hành vi phạm tội của Nguyễn Duy Thanh T, Quá trình điều tra xác định hành vi phạm tội của Nguyễn Duy Thanh T thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan An ninh điều tra Công an thành phố Hà Nội nên

đã tách vụ án, chuyển vụ án, bị can Nguyễn Duy Thanh T về Cơ quan An ninh điều tra Công an thành phố Hà Nội để điều tra theo thẩm quyền là đúng quy định.

- Đối với hành vi mua chứng chỉ tin học, tiếng anh của Lương Văn Ch, Lò Văn M, Lò Văn D, Phòng A S, Lò Văn X, Giàng A T1, Lò Văn V, Giàng A V1, Lò Văn Th, Lò Thị N, Phan Trường Nh, Lò Thị Ng, Lò Thị T, Lương Thị Đ, Giàng A S, Trương Tấn Th. Quá trình điều tra xác định những người trên chưa sử dụng chứng chỉ vào mục đích gì. Sau khi Cơ quan điều tra triệu tập đã giao nộp lại các chứng chỉ giả đã mua để phục vụ quá trình điều tra do đó không đủ căn cứ để xử lý về hành vi sử dụng giấy tờ, tài liệu giả. Tuy nhiên cần đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Uyên xem xét xử lý hành chính theo quy định của pháp luật.

- Trong vụ án này, Lương Văn Ch, Nguyễn Duy Thanh T, Lò Văn M còn làm chứng chỉ cho Nông Văn B. Quá trình điều tra, Nông Văn B không có mặt ở địa phương, không biết đi đâu, làm gì ở đâu. Cơ quan điều tra đã tách hành vi này của Ch, T, M, B khi nào triệu tập được B sẽ xử lý sau theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Về điều luật áp dụng và tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lương Văn Ch (tên gọi khác: Lương Văn P), Lò Văn D, Lò Văn M phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s, t, r khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lương Văn Ch 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lò Văn D 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lò Văn D cho Ủy ban nhân dân thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lò Văn M 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lò Văn M cho Ủy ban nhân dân thị trấn Sìn Hồ, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Trường hợp các bị cáo Lò Văn D, Lò Văn M thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án Hình sự.

- Trong thời gian thử thách, các bị cáo Lò Văn D, Lò Văn M cố ý vi phạm

nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 4 Điều 341 Bộ luật Hình sự, miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Lường Văn Ch, Lò Văn D, Lò Văn M.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

*\* Truy thu sung quỹ nhà nước đối với số tiền thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội, cụ thể:*

- Buộc bị cáo Lường Văn Ch phải nộp lại số tiền 18.700.000 đồng (mười tám triệu bảy trăm nghìn đồng).

- Buộc bị cáo Lò Văn D phải nộp lại số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng). Xác nhận bị cáo Lò Văn D đã nộp 500.000 đồng theo B lai số: AA/2021/0000486 ngày 01/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu, bị cáo đã thi hành xong khoản tiền truy thu.

- Buộc bị cáo Lò Văn M phải nộp lại số tiền 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng). Xác nhận bị cáo Lò Văn M đã nộp 600.000 đồng theo B lai số: AA/2021/0000487 ngày 01/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu. Nay trả lại cho bị cáo Lò Văn M số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

*\* Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu oppo F5 màu V1 nhạt, số Imei1: 867458037851310; số Imei2: 867458037851302, điện thoại đã qua sử dụng và 01 sim của nhà mạng Viettel số thuê bao 0344.278.598.*

*(Đặc điểm, tình trạng vật chứng theo B bản giao nhận vật chứng hồi 16 giờ 50 phút, ngày 11/5/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Uyên và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu).*

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Lường Văn Ch, Lò Văn D, Lò Văn M mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết ./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Tân Uyên;
- Các bị cáo;
- Người CQLNVLQ;
- Chi Cục THADS huyện Tân Uyên;
- Công an huyện Tân Uyên;
- Lưu HSVA.

**Nguyễn Thị Oanh**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Oanh**

